

Số: 29 /2026/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 29 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 79/2006/QH11;

Căn cứ Nghị định số 40/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 485/TTr-SNNMT ngày 29/5/2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định Quy định về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/7/2026, thay thế Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành Quy định về bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và Điều 6 của Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi và phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân

xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và Tổ chức THPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- CSDLQG về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Trung tâm thông tin- Hội nghị tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT2^(Phòng) 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Văn Hoàn



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày /6/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi và vùng phụ cận của công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công trình thủy lợi là công trình hạ tầng kỹ thuật thủy lợi bao gồm đập, hồ chứa nước, cống, trạm bơm, hệ thống dẫn, chuyển nước, kè, bờ bao thủy lợi và công trình khác phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi.

2. Vùng phụ cận là vùng không gian được quy định cụ thể về phương ngang và không giới hạn về phương đứng.

3. Lưu lượng để xác định vùng phụ cận là lưu lượng lớn nhất theo thiết kế mà công trình phải truyền tải.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi

1. Đối với cống, cầu máng

a) Đối với cống tưới, tiêu, xả tiêu qua đê phạm vi bảo vệ tuân theo Điều 23 Luật Đê điều.

b) Đối với cống nội đồng, cầu máng: Cống, công trình trên kênh, cống điều tiết dòng chảy cho kênh nào thì vùng phụ cận áp dụng như đối với kênh đó.

c) Đối với cống dưới đường giao thông phạm vi vùng phụ cận công trình thực hiện theo quy định về bảo vệ công trình đường giao thông.

2. Đối với công trình có bố trí khu quản lý như trạm bơm, cống lớn

Phạm vi bảo vệ là toàn bộ diện tích đất được Nhà nước giao khi xây dựng công trình được xác định bằng hàng rào bảo vệ hoặc các mốc giao đất.

3. Vùng phụ cận của kênh

a) Kênh đất: Phạm vi vùng phụ cận được tính từ chân mái ngoài bờ kênh trở ra và được quy định theo lưu lượng thiết kế. Cụ thể:

- Kênh có lưu lượng nhỏ hơn $2\text{m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận là 01m;
- Kênh có lưu lượng từ $02\text{m}^3/\text{s}$ đến $10\text{m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận là 02m;
- Kênh có lưu lượng lớn hơn $10\text{m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận là 03m.

b) Kênh xây, kênh bê tông, kênh kiên cố hóa: Phạm vi vùng phụ cận được tính từ chân mái ngoài bờ kênh trở ra ứng với từng cấp lưu lượng thiết kế. Cụ thể:

- Kênh có lưu lượng nhỏ hơn $2\text{m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận là 01m;
- Kênh có lưu lượng từ $2\text{m}^3/\text{s}$ đến $10\text{m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận là 1,5m;
- Kênh có lưu lượng lớn hơn $10\text{m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận là 02m.

c) Một số trường hợp khác

- Đối với kênh không có bờ kênh và không xác định được chiều rộng bờ, phạm vi vùng phụ cận được tính từ mép giao tuyến mái trong kênh và mặt đất tự nhiên trở ra, được xác định như sau:

+ Đối với tuyến kênh gồm đoạn có bờ và không có bờ, phạm vi vùng phụ cận đoạn không có bờ được xác định như đoạn có bờ và cộng thêm khoảng cách bằng chiều rộng bờ kênh theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt của đoạn kênh có bờ gần nhất cùng tuyến.

+ Trường hợp toàn tuyến kênh không có bờ hoặc đoạn có bờ nhưng không có hồ sơ thiết kế được phê duyệt, vùng phụ cận được xác định bằng khoảng cách vùng phụ cận của kênh có bờ và cộng thêm 03m.

- Đối với những đoạn kênh, tuyến kênh kết hợp đường giao thông, phạm vi vùng phụ cận công trình phía đường giao thông thực hiện theo quy định về bảo vệ công trình đường giao thông; phía còn lại thực hiện theo quy định bảo vệ công trình thủy lợi.

4. Bờ bao, cống dưới bờ bao

a) Bờ bao bảo vệ phạm vi liên tỉnh là 03m tính từ chân mái bờ trở ra.

b) Bờ bao bảo vệ phạm vi liên xã là 02 m tính từ chân mái bờ trở ra.

- c) Bờ bao bảo vệ phạm vi 1 xã là 01 m tính từ chân mái bờ trở ra.
- d) Công dưới bờ bao nào thì vùng phụ cận áp dụng như đối với bờ bao đó.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 4. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đơn vị

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý công trình thủy lợi.
- b) Phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ công trình thủy lợi.
- c) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các địa phương, các tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác công trình thủy lợi lập, thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi và cấm mốc chỉ giới bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi được phân cấp quản lý.
- d) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác công trình thủy lợi rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình thủy lợi; phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, di dân tái định cư đối với các trường hợp bị thu hồi đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.
- đ) Tổ chức kiểm tra và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.
- e) Tiếp nhận, xem xét, kiểm tra và quản lý hồ sơ đề nghị cấp phép các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền.
- f) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định.

2. Trách nhiệm, quyền hạn của các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan

- a) Sở Xây dựng phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch mạng lưới giao thông, quy hoạch đô thị và nông thôn, các khu dân cư, khu công nghiệp phù hợp với quy hoạch thủy lợi và bảo đảm an toàn, vận hành công trình thủy lợi. Hướng dẫn các đơn vị xin cấp phép xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý theo quy định pháp luật.

b) Sở Tài chính căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho các đơn vị thực hiện công tác bảo vệ công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

c) Công an tỉnh phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã có công trình thủy lợi và các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi chỉ đạo ngăn chặn các hành vi phá hoại, vi phạm pháp luật về thủy lợi, cản trở việc giải tỏa công trình vi phạm pháp luật về thủy lợi.

d) Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên có trách nhiệm đăng tải và thường xuyên phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ công trình thủy lợi và toàn bộ quy định này để nhân dân biết, thực hiện.

Điều 5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi tại địa phương, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện quy định này.

2. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến các quy định của pháp luật và của tỉnh về bảo vệ công trình thủy lợi cho các tổ chức, nhân dân hiểu và thực hiện.

3. Quản lý, sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Khi xây dựng kế hoạch sử dụng đất có liên quan đến công trình thủy lợi phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch và nhiệm vụ của công trình thủy lợi, đối với các công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý phải có ý kiến bằng văn bản của Sở Nông nghiệp và Môi trường trước khi phê duyệt.

4. Phối hợp với các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi trong công tác bảo vệ công trình thủy lợi, chỉ đạo các phòng chuyên môn phối hợp với các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi kiểm tra phát hiện và ngăn chặn, xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật về thủy lợi theo quy định.

5. Tham gia, phối hợp với chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân khai thác công trình trong việc xây dựng phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và tổ chức cấm mốc chỉ giới trên thực địa.

6. Thực hiện bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương theo quy định của pháp luật; tiếp nhận, quản lý và bảo vệ các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khi được bàn giao; phối hợp với các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi, các đơn vị có liên quan rà soát hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định.

7. Quyết định xử lý đối với các vi phạm pháp luật về thủy lợi theo thẩm quyền.

8. Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

9. Phê duyệt (khi được phân cấp) và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn. Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ và kịp thời khắc phục hậu quả, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi khi gặp sự cố theo thẩm quyền.

10. Ngăn chặn, xử lý kịp thời những hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo thẩm quyền. Trường hợp vượt thẩm quyền phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý.

11. Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) về tình hình vi phạm pháp luật về thủy lợi.

Điều 6. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác công trình thủy lợi

1. Tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi do mình quản lý và bảo đảm an toàn công trình theo quy định của Luật Thủy lợi và quy định này. Lập và thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, phát hiện, có biện pháp ngăn chặn kịp thời và kiến nghị xử lý vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, cùng Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vi phạm xử lý và áp dụng các biện pháp cần thiết khôi phục lại hiện trạng ban đầu, trường hợp vi phạm nghiêm trọng, báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

3. Huy động lực lượng, vật tư thiết bị để bảo vệ và kịp thời khắc phục hậu quả đảm bảo an toàn cho công trình thủy lợi khi gặp sự cố theo thẩm quyền.

4. Chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã cùng các tổ chức đoàn thể tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các quy định về khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi để mọi người dân hiểu và tự giác thực hiện.

5. Cắm mốc trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, lập và bàn giao mốc chỉ giới cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình để phối hợp quản lý và bảo vệ.

6. Thực hiện chế độ báo cáo công tác quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, đơn vị, cá nhân phản ánh, kiến nghị về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.